



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY  
SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**



an independent member of

**BAKER TILLY  
INTERNATIONAL**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>14 - 38</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>39 - 43</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con: Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX (gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét.

**Khái quát về Tập đoàn****Công ty mẹ**

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp : 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần : 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Số vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>8.338.622</b>	<b>83.386.220.000</b>	<b>63,07</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn			
Thương tín	1.068.197	10.681.970.000	8,08
Công ty cổ phần vốn Thiên Niên Kỳ	2.542.248	25.422.480.000	19,23
Nguyễn An Ninh	1.555.061	15.550.610.000	11,76
Vũ Ngọc Lễ	1.850.916	18.509.160.000	14,00
Lê Thị Minh Hiền	1.322.200	13.222.000.000	10,00
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>4.882.612</b>	<b>48.826.120.000</b>	<b>36,93</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.221.234</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ phiếu của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại : (84-780) 3.831.608

Fax : (84-780) 3.832.297

E\_mail : camimex@hcm.vnn.vn

Website : www.camimexseafood.com.vn

Mã số thuế : 2000103908

**Các đơn vị trực thuộc:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái	ấp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
2. Trạm mua nguyên liệu thủy sản	Lâm phần Lâm Ngư Trường Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
3. Chi nhánh Xí nghiệp IV	Đường Cao Thắng, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

*Các địa điểm kinh doanh:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp Cái Nai, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
2. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	Số 29B, ấp 3, Quốc lộ 1A, xã Tắc Vân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
3. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Hoạt động chính của Công ty là chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

*Công ty con:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang	Khu đê bao Đồng Hòa, ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701457396 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.	100%
Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 6 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.	99,72%

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	24 tháng 01 năm 2013	-
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	-
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	-
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	26 tháng 6 năm 2013	-
Ông Ngô Quang Phú	Thành viên	03 tháng 01 năm 2014	-
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014	-

03004  
CƠ  
CH NH  
M TOÁN  
A  
PHNH-T

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## ***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban	26 tháng 6 năm 2013	01 tháng 8 năm 2014
Ông Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	01 tháng 8 năm 2014	-
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	30 tháng 6 năm 2009	-
Bà Châu Thị Hoàng Hà	Thành viên	26 tháng 6 năm 2013	01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Duân	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014	-

## ***Ban điều hành, quản lý***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	19 tháng 6 năm 2012	-
Ông Bùi Hữu Hiến	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013	-
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013	-
Ông Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng	21 tháng 11 năm 2011	-

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

49815.  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
& TƯ VẤN  
& C  
PHỐ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**BÙI SĨ TUẤN**  
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0728/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU  
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 kèm theo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (Công ty mẹ) và Công ty con: Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX (gọi chung là Tập đoàn) được lập ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các Công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Qua quá trình thực hiện công tác soát xét, chúng tôi nhận thấy có vấn đề sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này chưa hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con: Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang (xem thuyết minh I.4).

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy còn có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc**  
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2014

**Nguyễn Hoàng Yên - Kiểm toán viên**  
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0088-2013-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Dạng đầy đủ)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>403.948.629.806</b>	<b>408.357.934.178</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>11.328.175.706</b>	<b>6.702.138.153</b>
1.	Tiền	111		9.328.175.706	6.702.138.153
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>92.283.157.928</b>	<b>70.751.879.709</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	81.134.212.424	65.264.152.242
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	10.848.042.522	5.726.218.026
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	10.327.837.066	8.107.981.440
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(10.026.934.084)	(8.346.471.999)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>287.943.248.251</b>	<b>316.865.702.783</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	442.589.131.100	470.824.423.858
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(154.645.882.849)	(153.958.721.075)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.394.047.921</b>	<b>14.038.213.533</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.892.883.891	274.196.096
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.853.001.817	6.375.141.948
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	3.200.999.348	4.099.813.213
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	2.447.162.865	3.289.062.276





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>195.917.792.701</b>	<b>200.889.375.191</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>195.672.519.802</b>	<b>200.590.070.515</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	102.740.401.730	108.022.943.283
	<i>Nguyên giá</i>	222		235.845.936.516	235.151.581.970
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(133.105.534.786)	(127.128.638.687)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.615.752.112	2.192.582.033
	<i>Nguyên giá</i>	228		9.145.105.542	5.419.613.542
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.529.353.430)	(3.227.031.509)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	87.316.365.960	90.374.545.199
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>245.272.899</b>	<b>299.304.676</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	112.901.699	166.933.476
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	132.371.200	132.371.200
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>599.866.422.507</b>	<b>609.247.309.369</b>

0044  
**ĐƠN**  
**TRÁCH**  
**TOÁN**  
**A 8**  
 H-T.F

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>555.529.034.539</b>	<b>574.769.179.599</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>547.695.275.273</b>	<b>567.070.251.991</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	414.548.595.679	438.524.556.071
2. Phải trả người bán		312	V.17	74.826.629.822	83.376.328.436
3. Người mua trả tiền trước		313	V.18	9.756.802.780	50.411.139
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.19	2.702.495.380	1.815.694.977
5. Phải trả người lao động		315	V.20	4.090.409.120	4.456.689.227
6. Chi phí phải trả		316	V.21	3.661.384.203	5.964.882.158
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.22	37.068.665.173	31.773.165.917
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.23	1.040.293.116	1.108.524.066
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>7.833.759.266</b>	<b>7.698.927.608</b>
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.24	7.697.058.833	7.697.058.833
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.25	136.700.433	1.868.775
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>44.337.387.968</b>	<b>34.478.129.770</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>		<b>44.337.387.968</b>	<b>34.478.129.770</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.26	132.212.340.000	132.212.340.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.26	1.995.223.836	1.995.223.836
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.26	(89.870.175.868)	(99.729.434.066)
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>599.866.422.507</b>	<b>609.247.309.369</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

0815  
**CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CHẾ BIẾN  
 VÀ XUẤT  
 NHẬP KHẨU  
 CÀ MAU**  
**HỒ C**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

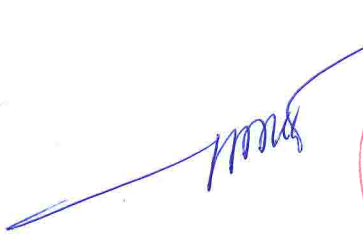
## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			372.929,10	119.039,48
Euro (EUR)			19,66	19,66
Yên Nhật (JPN)			-	169.000,00


Cà Mau, ngày 25 tháng 8 năm 2014



Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	406.137.218.340	241.634.459.269
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	346.946.412	592.403.317
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	405.790.271.928	241.042.055.952
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	351.591.900.574	327.631.479.912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.198.371.354	(86.589.423.960)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.668.498.613	13.648.484.047
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.938.543.301	33.140.144.667
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.187.894.565	16.365.473.484
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	14.063.714.553	10.381.246.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.481.650.472	10.825.115.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.382.961.641	(127.287.447.076)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.153.221.669	513.322.844
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.196.209.403	2.608.149.573
13. Lợi nhuận khác	40		(1.042.987.734)	(2.094.826.729)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.339.973.907	(129.382.273.805)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	2.291.852.274	619.608.899
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	188.863.435	100.939.724
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.859.258.198</u>	<u>(130.102.822.428)</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		9.859.258.198	(130.102.822.428)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>746</u>	<u>(9.840)</u>

Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Dạng đầy đủ)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.339.973.907	(129.382.273.805)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	6.279.218.020	6.917.177.362
- Các khoản dự phòng	03		2.367.623.859	128.306.506.699
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	2.989.342.432	3.453.602.556
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	13.187.894.565	16.365.473.484
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.164.052.783	25.660.486.296
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.391.912.584)	17.950.936.570
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.235.292.758	(23.532.010.937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		17.951.719.506	6.112.702.834
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.618.687.795)	1.307.420.247
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.286.721.688)	(16.347.579.373)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(833.507.336)	(97.395.322)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		300.000.000	200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.23	(468.230.950)	(75.649.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>33.052.004.694</b>	<b>11.178.910.615</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.13	(1.361.667.307)	(10.900.474.282)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.361.667.307)</b>	<b>(10.900.474.282)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

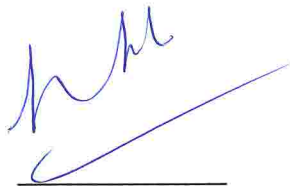
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	677.190.587.952	613.123.611.364
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(704.486.998.966)	(615.432.361.947)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27.296.411.014)</b>	<b>(2.308.750.583)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>4.393.926.373</b>	<b>(2.030.314.250)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>6.702.138.153</b>	<b>4.203.113.010</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		232.111.180	125.059.969
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>11.328.175.706</b>	<b>2.297.858.729</b>

Cà Mau, ngày 25 tháng 8 năm 2014

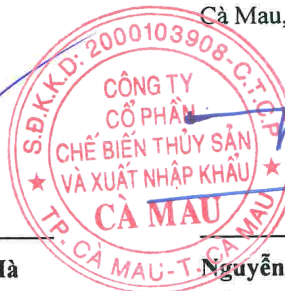


Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu




Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc



00446  
CÔNG  
H NHIỆN  
TOÁN V  
A &  
H-T.P

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (Công ty mẹ) và Công ty con: Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Công ty mẹ : Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

a. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

b. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - Chế biến

c. Ngành nghề kinh doanh : Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

2. Tổng số các công ty con : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	99,72%	99,72%

4. Danh sách các công ty con không được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX – Kiên Giang	Khu đê bao Đồng Hòa, ấp Cánh, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	100%	100%

Tập đoàn đã chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX – Kiên Giang để chuyển sang hoạt động dưới hình thức Chi nhánh của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để chấm dứt hoạt động của Công ty con này.

5. Danh sách các công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

6. **Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:** Không có.
7. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Tập đoàn có 969 nhân viên đang làm việc (Cuối năm trước là 1.002 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trên Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (Công ty mẹ) và Công ty con: Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

N:03  
TRÁC  
KIỂM  
TƯ BỊ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và cơ sở kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

004  
: ON  
+ NH  
10 AI  
A  
H-T

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các Công ty trong cùng Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### 15. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

9815-C  
GTY  
EM HUUH  
VA TUV  
& C  
PHOCU

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## 17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

## 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## 19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty thuộc Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty thuộc Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày : 31/12/2013 : 21.083VND/USD  
30/6/2014 : 21.296VND/USD



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 21. Tài sản tài chính

### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn chỉ có các khoản cho vay và phải thu.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

## 22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	40.666.286	403.346.475
Tiền gửi ngân hàng	9.024.913.420	6.298.791.678
Tiền đang chuyển	262.596.000	-
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.328.175.706</u></b>	<b><u>6.702.138.153</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Khách hàng trong nước</b>	<b>2.258.097.691</b>	<b>2.513.682.124</b>
Công ty TNHH Thủy sản Anh Tuấn	-	92.106.000
Công ty TNHH Metro Cash và Carry Việt Nam	607.198.573	2.312.338.899
Công ty TNHH Chế biến xuất nhập khẩu nông thủy sản Việt Á	355.554.400	-
Các khách hàng trong nước khác	1.295.344.718	109.237.225
<b>Khách hàng nước ngoài</b>	<b>78.876.114.733</b>	<b>62.750.470.118</b>
MAZZETTA	10.515.974.183	10.409.817.058
OCEAN BISTRO CORPORATION	4.145.012.325	2.762.716.320
ORECAL CORPORATION	-	4.150.378.297
NAAJAQ SEAFOOD A/S	7.048.040.650	-
GREAT OCEAN FOODS PTY LIMITED	5.986.612.224	-
COOP, BASEL	17.559.251.961	5.489.339.387
E-MART CO.,LTD	-	5.360.921.991
SUN CHEUNG HOLDING INC	5.629.700.340	-
SEA PORT PRODUCTS CORPORATION	-	4.368.397.600
Các khách hàng nước ngoài khác	27.991.523.050	30.208.899.465
<b>Cộng</b>	<b><u>81.134.212.424</u></b>	<b><u>65.264.152.242</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty cổ phần Phát triển đầu tư xây dựng Việt Nhật	900.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ lạnh Á Châu	628.757.406	628.757.406
Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam	128.049.288	128.049.288
Công ty cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Đức Duy	1.298.000.000	1.098.000.000
NICS CO., LTD	171.673.815	540.337.849
Công ty cổ phần Thiên Hoàng Việt	2.841.152.985	-
Các nhà cung cấp khác	3.580.409.028	2.031.073.483
<b>Cộng</b>	<b><u>10.848.042.522</u></b>	<b><u>5.726.218.026</u></b>

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	29.392.748	29.392.748
Chi hộ Công ty TNHH một thành viên Camimex-Kiên Giang	2.201.075.679	2.201.075.679
Chi hộ Ban quản lý Dự án xử lý nước thải	192.420.331	125.516.215
Chi hộ khu nuôi tôm – Chi nhánh Kiên Giang	2.145.291.986	-
Phạm Anh Đức	5.050.000.000	5.050.000.000
Các khoản phải thu khác	709.656.322	701.996.798
<b>Cộng</b>	<b><u>10.327.837.066</u></b>	<b><u>8.107.981.440</u></b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	9.093.152.344	7.794.725.249
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	32.410.216	-
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	492.393.425
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	9.040.371.372	7.290.226.365
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	20.370.756	12.105.459
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi	933.781.740	551.746.750
<b>Cộng</b>	<b><u>10.026.934.084</u></b>	<b><u>8.346.471.999</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.346.471.999	3.640.163.981
Trích lập dự phòng bổ sung	1.680.462.085	2.306.506.699
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>10.026.934.084</u></b>	<b><u>5.946.670.680</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	4.224.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.332.450.924	12.318.658.253
Công cụ, dụng cụ	2.350.890.977	2.450.964.680
Thành phẩm (*)	429.888.708.943	456.041.944.669
Hàng hóa	12.856.256	12.856.256
<b>Cộng</b>	<b><u>442.589.131.100</u></b>	<b><u>470.824.423.858</u></b>

(\*) Thành phẩm tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	153.958.721.075	27.089.466.988
Trích lập dự phòng bổ sung	687.161.774	126.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>154.645.882.849</u></b>	<b><u>153.089.466.988</u></b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	159.817.278	175.937.236
Chi phí bồi thường vụ kiện Contessa	1.672.303.978	-
Chi phí thuê nhà	6.305.338	66.137.335
Chi phí thuê đất	28.501.047	-
Chi phí khác	25.956.250	32.121.525
<b>Cộng</b>	<b><u>1.892.883.891</u></b>	<b><u>274.196.096</u></b>

### 9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.977.739.347	2.977.003.867
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.223.260.001	1.122.809.346
<b>Cộng</b>	<b><u>3.200.999.348</u></b>	<b><u>4.099.813.213</u></b>

### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.447.162.865	3.149.591.369
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	139.470.907
<b>Cộng</b>	<b><u>2.447.162.865</u></b>	<b><u>3.289.062.276</u></b>

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1 đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.011.413.542	408.200.000	5.419.613.542
Tăng trong kỳ	3.725.492.000	-	3.725.492.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.736.905.542</b>	<b>408.200.000</b>	<b>9.145.105.542</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.027.179.057	199.852.452	3.227.031.509
Khấu hao trong kỳ	234.288.588	68.033.333	302.321.921
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.261.467.645</b>	<b>267.885.785</b>	<b>3.529.353.430</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.984.234.485	208.347.548	2.192.582.033
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.475.437.897</b>	<b>140.314.215</b>	<b>5.615.752.112</b>

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ</u>	
			<u>Trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	6.131.367.128	-	(3.725.492.000)	2.405.875.128
- Dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	6.082.541.960	-	(3.725.492.000)	2.357.049.960
- Chi phí khác	48.825.168	-	-	48.825.168
XDCB dở dang	84.243.178.071	667.312.761	-	84.910.490.832
- Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn-Xí nghiệp 5	79.462.428.828	534.858.061	-	79.997.286.889
- Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	4.129.922.243	-	-	4.129.922.243
- Khu nhà ở nuôi tôm	596.852.000	-	-	596.852.000
-Phần mềm FAST	53.975.000	-	-	53.975.000
- Hệ thống đường ống cấp hơi	-	132.454.700	-	132.454.700
<b>Cộng</b>	<b>90.374.545.199</b>	<b>667.312.761</b>	<b>(3.725.492.000)</b>	<b>87.316.365.960</b>

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	166.933.476	20.496.085
Số phát sinh trong kỳ	-	79.861.315
Số hoàn nhập trong kỳ	(54.031.777)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>112.901.699</b>	<b>100.357.400</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

### 16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>388.390.311.415</b>	<b>406.412.733.404</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (a)	239.002.540.293	249.100.125.364
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (b)	36.333.105.600	39.176.430.600
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (c)	22.071.471.288	23.037.861.437
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (d)	6.921.200.000	10.672.897.057
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (e)	64.512.239.213	64.875.663.925
Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Bạc Liêu (f)	19.549.755.021	19.549.755.021
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (g)</b>	<b>2.853.987.914</b>	<b>3.993.987.914</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>23.304.296.350</b>	<b>28.117.834.753</b>
<b>Cộng</b>	<b>414.548.595.679</b>	<b>438.524.556.071</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản, tiền gửi có kỳ hạn và quyền sử dụng đất của bên thứ 3.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 53.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp hàng hóa tôm thành phẩm tại các kho hàng trị giá 63.600.000.000 VND.
- (c) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 45.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp (tổng giá trị tài sản đảm bảo: 97.000.000.000 VND, bao gồm hàng hóa tồn kho luân chuyển là tôm thành phẩm và toàn bộ nguyên liệu trong kho).
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh với hạn mức USD 3.100.000 để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản.
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Bạc Liêu với hạn mức USD 2.000.000 để tài trợ xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu luân chuyển.
- (g) Khoản vay cá nhân Ông Nguyễn An Ninh 110.000.000 VND và Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn 2.743.987.914 VND để bổ sung vốn lưu động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
	Vay ngắn hạn ngân hàng	406.412.733.404	677.190.587.952	(698.379.094.294)	3.166.084.353
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân	3.993.987.914	-	(1.140.000.000)	-	2.853.987.914
Vay dài hạn đến hạn trả	28.117.834.753	-	(4.967.904.672)	154.366.269	23.304.296.350
<b>Cộng</b>	<b>438.524.556.071</b>	<b>677.190.587.952</b>	<b>(704.486.998.966)</b>	<b>3.320.450.622</b>	<b>414.548.595.679</b>

**17. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hiển	4.581.718.000	4.483.104.164
Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn	-	396.094.702
Công ty TNHH MTV thu mua cung ứng thủy sản Huy Hoàng	-	2.094.411.953
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hải Tùng	1.556.292.740	7.346.966.014
Công ty TNHH Hóa Gia Khang	1.512.338.300	1.417.006.800
Công ty TNHH in Mekong	-	1.715.247.050
Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Thuận Thành	-	1.467.770.238
Công ty TNHH Liên	2.890.402.804	18.714.252.471
MAGNUM EXPORT	11.048.473.807	9.507.396.902
SHIMPO EXPORTS PVT.LTD	-	5.170.930.682
Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hải Nam	8.967.181.618	2.460.350.569
Các nhà cung cấp khác	44.270.222.553	28.602.796.891
<b>Cộng</b>	<b>74.826.629.822</b>	<b>83.376.328.436</b>

**18. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
DUONG VY IMPORT AND EXPORT GMBH GERMANY	31.597.500	31.268.143
QUÁCH ECK MINH	1.944.000	8.272.600
COOP, BASEL	7.228.778.886	-
LOTTE INTERNATIONAL CO.,LTD.	2.422.638.981	-
Các khách hàng khác	71.843.413	10.870.396
<b>Cộng</b>	<b>9.756.802.780</b>	<b>50.411.139</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.203.843.352	2.464.383.709	(2.211.102.181)	1.457.124.880
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.122.809.346)	-	(100.450.655)	(1.223.260.001)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.561.965.184)	2.291.852.274	(833.507.336)	(1.103.620.246)
- Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (*)	(2.977.003.867)	1.417.733.173	(418.468.653)	(1.977.739.347)
- Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX	415.038.683	874.119.101	(415.038.683)	874.119.101
Thuế thu nhập cá nhân	184.142.978	153.991.407	(760.000)	337.374.385
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	296.989.138	(275.782.088)	21.207.050
Các loại thuế, phí khác	12.669.964	15.000.000	(15.000.000)	12.669.964
<b>Cộng</b>	<b>(2.284.118.236)</b>	<b>5.222.216.528</b>	<b>(3.436.602.260)</b>	<b>(498.503.968)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(\*) Các khoản thuế nộp thừa đang trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước(xem thuyết minh V.9).

## Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

## Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% theo qui định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế theo qui định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.926.112.333	2.414.195.545
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.666.519.108	1.070.725.674
- Các khoản điều chỉnh giảm	(503.965.575)	(1.006.485.624)
Tổng thu nhập chịu thuế	7.088.665.866	2.478.435.595
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (thuế suất ưu đãi 20%)	7.088.665.866	(128.409.014.299)
- Thu nhập khác (thuế suất phổ thông 22%)	-	130.887.449.894
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>1.417.733.173</b>	<b>619.608.899</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.417.733.173</b>	<b>619.608.899</b>

## Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****20. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương	3.709.241.336	4.158.908.602
Các khoản khác	381.167.784	297.780.625
<b>Cộng</b>	<b><u>4.090.409.120</u></b>	<b><u>4.456.689.227</u></b>

**21. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	3.114.372.583	5.213.199.706
Phí xử lý, vận chuyển, bốc xếp	332.820.247	51.940.731
Chi phí khác	214.191.373	699.741.721
<b>Cộng</b>	<b><u>3.661.384.203</u></b>	<b><u>5.964.882.158</u></b>

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.408.990.599	6.539.111.651
Kinh phí công đoàn	8.400.158.310	2.440.885.971
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.050.000.000	1.150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.910.496.693	10.910.496.693
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	7.863.723.253	7.490.398.980
Tài sản thừa chờ xử lý	48.927.439	401.083.330
Kinh phí hoạt động của Đảng	158.074.374	158.074.374
Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hải Nam	50.000.000	1.000.000.000
Phải trả khác	6.178.294.505	1.683.114.918
<b>Cộng</b>	<b><u>37.068.665.173</u></b>	<b><u>31.773.165.917</u></b>

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	606.697.215	-	(68.230.950)	538.466.265
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	107.025.472	-	-	107.025.472
<b>Cộng</b>	<b><u>1.108.524.066</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(68.230.950)</u></b>	<b><u>1.040.293.116</u></b>

**24. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (1)	4.697.570.303	4.697.570.303
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (2)	2.999.488.530	2.999.488.530
<b>Cộng</b>	<b><u>7.697.058.833</u></b>	<b><u>7.697.058.833</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 18.000.000.000 VND để đầu tư mua sắm 09 máy phân cỡ tôm, khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

## Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam-Chi nhánh Cà Mau	12.577.570.303	7.880.000.000	4.697.570.303
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cà Mau	6.999.488.530	4.000.000.000	2.999.488.530
<b>Cộng</b>	<b>19.577.058.833</b>	<b>11.880.000.000</b>	<b>7.697.058.833</b>

## Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.697.058.833	19.577.058.833
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.697.058.833</b>	<b>19.577.058.833</b>

## 25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.868.775	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	134.831.658	180.801.039
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>136.700.433</b>	<b>180.801.039</b>

## 26. Vốn chủ sở hữu

### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 2 đính kèm.

### Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	406.137.218.340	241.634.459.269
- Doanh thu bán thành phẩm	309.084.825.272	241.058.489.269
- Doanh thu bán phụ phẩm	670.654.220	575.970.000
- Doanh thu bán hàng hóa	96.381.738.848	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(346.946.412)	(592.403.317)
- Chiết khấu thương mại	(316.236.212)	(343.923.674)
- Hàng bán bị trả lại	(30.710.200)	(248.479.643)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>405.790.271.928</b>	<b>241.042.055.952</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	263.905.851.031	201.631.479.912
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	86.998.887.769	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	687.161.774	126.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>351.591.900.574</b>	<b>327.631.479.912</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.995.536	9.422.376
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.497.287.994	13.639.061.671
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	163.215.083	-
<b>Cộng</b>	<b>1.668.498.613</b>	<b>13.648.484.047</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.187.894.565	16.365.473.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	598.091.221	13.321.068.627
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.152.557.515	3.453.602.556
<b>Cộng</b>	<b>16.938.543.301</b>	<b>33.140.144.667</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.022.265.548	928.185.615
Chi phí vật liệu, bao bì	12.407.910	279.119
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.210.829	10.933.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234.288.588	473.706.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.622.175.490	7.586.031.157
Chi phí khác	3.149.366.188	1.382.111.136
<b>Cộng</b>	<b>14.063.714.553</b>	<b>10.381.246.702</b>

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên quản lý	3.795.467.879	5.238.712.727
Chi phí vật liệu quản lý	1.849.166	11.644.646
Chi phí đồ dùng văn phòng	216.090.827	44.035.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.052.218.653	384.956.358
Thuế, phí và lệ phí	147.648.997	170.471.995
Chi phí dự phòng	1.680.462.085	2.306.506.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.001.148	82.970.629
Chi phí khác	4.450.911.717	2.585.816.950
<b>Cộng</b>	<b>11.481.650.472</b>	<b>10.825.115.794</b>

## 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ giảm giá hàng mua	795.301.518	-
Thu tiền từ xử lý tài sản kiểm kê	352.155.891	246.694.607
Thu nhập khác	5.764.260	266.628.237
<b>Cộng</b>	<b>1.153.221.669</b>	<b>513.322.844</b>

## 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Vật tư thanh lý	-	870.414.466
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	252.248.726	14.464.920
Chi phí bồi thường vụ kiện Contessa	1.568.502.392	1.185.807.273
Chi phí xử lý tài sản kiểm kê	139.470.907	25.170.335
Chi phí khác	235.987.378	512.292.579
<b>Cộng</b>	<b>2.196.209.403</b>	<b>2.608.149.573</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	90.897.193	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	134.831.658	180.801.039
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(36.865.416)	(79.861.315)
<b>Cộng</b>	<b>188.863.435</b>	<b>100.939.724</b>

### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.859.258.198	(130.102.822.428)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.859.258.198	(130.102.822.428)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.221.234	13.221.234
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>746</b>	<b>(9.840)</b>

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	287.906.767.616	375.737.849.909
Chi phí nhân công	25.678.027.070	23.557.975.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.279.218.020	6.917.177.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.742.089.710	29.050.992.184
Chi phí khác	9.718.937.057	7.997.704.972
<b>Cộng</b>	<b>399.325.039.473</b>	<b>443.261.700.412</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Vay tiền	-	770.000.000
Trả tiền vay	(740.000.000)	(2.350.000.000)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Phải trả tiền vay	110.000.000	850.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>110.000.000</b>	<b>850.000.000</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	753.827.053	1.053.122.046
Phụ cấp, thù lao	211.000.000	191.791.398
<b>Cộng</b>	<b>964.827.053</b>	<b>1.244.913.444</b>

### 3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh (xem phụ lục 3 đính kèm).

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động chế biến hàng thủy sản
- Hoạt động gia công hàng thủy sản

Báo cáo bộ phận thứ yếu là theo khu vực địa lý.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xuất khẩu	393.825.998.805	233.144.603.508
Doanh thu nội địa	11.964.273.123	7.897.452.444
<b>Cộng</b>	<b>405.790.271.928</b>	<b>241.042.055.952</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 4. Quản lý rủi ro tài chính

### *Tổng quan*

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành của các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban điều hành của các Công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín. Ban điều hành của các Công ty trong Tập đoàn không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.328.175.706	-	-	-	11.328.175.706
Phải thu khách hàng	69.602.707.573	-	-	11.531.504.851	81.134.212.424
Các khoản phải thu khác	4.986.881.516	-	5.050.000.000	423.326.750	10.460.208.266
<b>Cộng</b>	<b>85.917.764.795</b>	<b>-</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>11.954.831.601</b>	<b>102.922.596.396</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.702.138.153	-	-	-	6.702.138.153
Phải thu khách hàng	53.852.650.841	-	-	11.411.501.401	65.264.152.242
Các khoản phải thu khác	2.767.025.890	-	5.050.000.000	423.326.750	8.240.352.640
<b>Cộng</b>	<b>63.321.814.884</b>	<b>-</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>11.834.828.151</b>	<b>80.206.643.035</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán	74.826.629.822	-	-	74.826.629.822
Vay và nợ	421.676.103.065	8.091.904.013	-	429.768.007.078
Các khoản phải trả khác	29.871.973.028	-	-	29.871.973.028
<b>Cộng</b>	<b>526.374.705.915</b>	<b>8.091.904.013</b>	-	<b>534.466.609.928</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	83.376.328.436	-	-	83.376.328.436
Vay và nợ	495.753.039.888	16.548.619.146	-	512.301.659.034
Các khoản phải trả khác	28.356.967.123	-	-	28.356.967.123
<b>Cộng</b>	<b>607.486.335.447</b>	<b>16.548.619.146</b>	-	<b>624.034.954.593</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tập đoàn cố gắng tạo ra khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	372.929,10	19,66	119.039,48	19,66
Phải thu khách hàng	3.703.451,81	-	2.795.621,34	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	(14.640.728,93)	-	(14.825.882,73)	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(10.564.348,02)</b>	<b>19,66</b>	<b>(11.911.221,91)</b>	<b>19,66</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 3.599.653.687 VND (năm trước giảm/tăng 4.017.988.665 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với năm trước.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Vay và nợ	(110.455.499.219)	(14.640.728,93)	(133.647.529.308)	(14.825.882,73)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(110.455.499.219)</b>	<b>(14.640.728,93)</b>	<b>(133.647.529.308)</b>	<b>(14.825.882,73)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.209.109.984 VND (năm trước giảm/tăng 2.138.360.469 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.117.889.633 VND (năm trước giảm/tăng 3.125.740.856 VND).

### Rủi ro về giá nguyên liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Tập đoàn đẩy mạnh phát triển vùng nuôi và thu mua để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## Tài sản đảm bảo

### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 81.134.212.424 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 65.264.152.242 VND).

### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2014.

## 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.328.175.706	-	6.702.138.153	-	11.328.175.706	6.702.138.153
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	81.134.212.424	(8.081.429.839)	65.264.152.242	(7.794.725.249)	73.052.782.585	57.469.426.993
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	10.460.208.266	(423.326.750)	8.240.352.640	(423.326.750)	10.036.881.516	7.817.025.890
<b>Cộng</b>	<b>102.922.596.396</b>	<b>(8.504.756.589)</b>	<b>80.206.643.035</b>	<b>(8.218.051.999)</b>	<b>94.417.839.807</b>	<b>71.988.591.036</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	74.826.629.822	83.376.328.436	74.826.629.822
Vay và nợ	422.245.654.512	446.221.614.904	422.245.654.512	446.221.614.904
Các khoản phải trả khác	29.871.973.028	28.356.967.123	29.871.973.028	28.356.967.123
<b>Cộng</b>	<b>526.944.257.362</b>	<b>557.954.910.463</b>	<b>526.944.257.362</b>	<b>557.954.910.463</b>


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

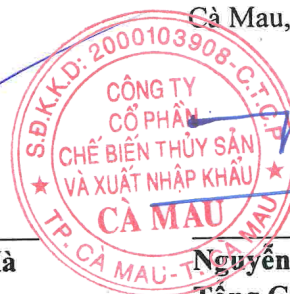
Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Cà Mau, ngày 25 tháng 8 năm 2014

  
Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

  
Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.564.284.548	155.319.240.628	6.953.270.534	2.409.004.880	8.905.781.380	235.151.581.970
Tăng trong kỳ	-	-	694.354.546	-	-	694.354.546
Mua sắm mới	-	-	694.354.546	-	-	694.354.546
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>61.564.284.548</b>	<b>155.319.240.628</b>	<b>7.647.625.080</b>	<b>2.409.004.880</b>	<b>8.905.781.380</b>	<b>235.845.936.516</b>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.160.402.900	20.088.708.468	1.444.845.641	93.584.060	1.124.449.342	30.911.990.411
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	36.057.605.873	83.718.479.752	2.501.976.875	1.985.833.597	2.864.742.590	127.128.638.687
Khấu hao trong kỳ	1.135.791.227	4.362.078.563	424.427.142	54.599.167	-	5.976.896.099
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>37.193.397.100</b>	<b>88.080.558.315</b>	<b>2.926.404.017</b>	<b>2.040.432.764</b>	<b>2.864.742.590</b>	<b>133.105.534.786</b>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	25.506.678.675	71.600.760.876	4.451.293.659	423.171.283	6.041.038.790	108.022.943.283
Số cuối kỳ	<b>24.370.887.448</b>	<b>67.238.682.313</b>	<b>4.721.221.063</b>	<b>368.572.116</b>	<b>6.041.038.790</b>	<b>102.740.401.730</b>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

S.B.K.K.O.20001039, Cà Mau, ngày 25 tháng 8 năm 2014



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

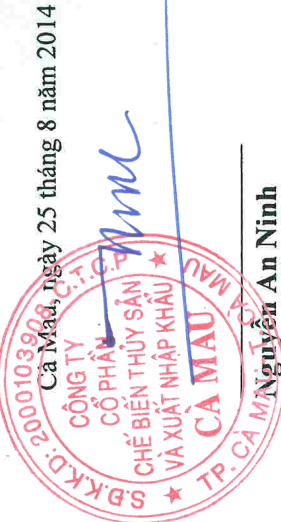
### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	1.713.511.349	-	27.647.680.522	161.573.531.871
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(126.672.833.371)	(126.672.833.371)
Trích lập các quỹ năm trước	-	281.712.487	-	(704.281.217)	(422.568.730)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>1.995.223.836</b>	<b>-</b>	<b>(99.729.434.066)</b>	<b>34.478.129.770</b>
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	-	(99.729.434.066)	34.478.129.770
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.859.258.198	9.859.258.198
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>1.995.223.836</b>	<b>-</b>	<b>(89.870.175.868)</b>	<b>44.337.387.968</b>

Đơn vị tính: VND



*(Handwritten signature)*

Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

PHỤ LỤC 3

Đơn vị tính: VND

**Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

6 tháng đầu năm 2014	Chế biến thủy sản	Gia công, thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	308.737.878.860	97.052.393.068	-	405.790.271.928
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	91.563.789.541	162.816.755.167	(254.380.544.708)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>400.301.668.401</b>	<b>259.869.148.235</b>	<b>(254.380.544.708)</b>	<b>405.790.271.928</b>
Chi phí bộ phận	(356.156.802.346)	(249.815.642.936)	254.380.544.708	(351.591.900.574)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.144.866.055	10.053.505.299	-	54.198.371.354
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(25.545.365.025)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				28.653.006.329
Doanh thu hoạt động tài chính				1.668.498.613
Chi phí tài chính				(16.938.543.301)
Thu nhập khác				1.153.221.669
Chi phí khác				(2.196.209.403)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.291.852.274)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(188.863.435)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>9.859.258.198</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>667.312.761</b>	<b>694.354.546</b>	<b>-</b>	<b>1.361.667.307</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>234.288.588</b>	<b>6.044.929.432</b>	<b>-</b>	<b>6.279.218.020</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)



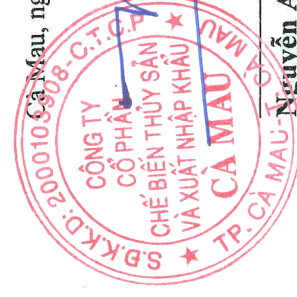
6 tháng đầu năm 2013

	Chế biến thủy sản	Gia công, thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	241.042.055.952	-	-	241.042.055.952
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>241.042.055.952</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>241.042.055.952</b>
Chi phí bộ phận	(327.631.479.912)	-	-	(327.631.479.912)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(86.589.423.960)	-	-	(86.589.423.960)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(21.206.362.496)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(107.795.786.456)
Doanh thu hoạt động tài chính				13.648.484.047
Chi phí tài chính				(33.140.144.667)
Thu nhập khác				513.322.844
Chi phí khác				(2.608.149.573)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(619.608.899)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(100.939.724)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(130.102.822.428)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>14.547.662.753</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.547.662.753</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>8.565.463.307</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.565.463.307</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:**

Số cuối kỳ	Chế biến thủy sản	Gia công, thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	377.692.016.764	222.174.405.743	-	599.866.422.507
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>599.866.422.507</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	508.225.315.276	47.303.719.263	-	555.529.034.539
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>555.529.034.539</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	409.486.011.509	199.761.297.860	-	609.247.309.369
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>609.247.309.369</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	556.876.447.364	17.892.732.235	-	574.769.179.599
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>574.769.179.599</b>

Cà Mau, ngày 25 tháng 8 năm 2014



*(Signature)*

**Lữ Hồng Lam**  
Người lập biểu

*(Signature)*

**Nguyễn Trọng Hà**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn An Ninh**  
Tổng Giám đốc

